

Bản án số: 39/2026/HS-ST
Ngày 15-4-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Linh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Lan
2. Ông Trần Phú

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2026/TLST – HS ngày 18 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2026/QĐXXST – HS ngày 31 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Thị Kiều N**, sinh ngày 30-3-2000; nơi thường trú: Thôn P, xã V, tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 0513000110888 cấp ngày 03-4-2025; nghề nghiệp: Làm tóc; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị L; chồng là Nguyễn Hữu N1 (đã ly hôn ngày 06-8-2025), có 1 con (chết); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16-6-2025 đến nay, có mặt.

2. **Phạm Văn H**, sinh ngày 18-7-2001; nơi thường trú: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051201008772 cấp ngày 10-8-2021; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị P; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16-6-2025 đến nay, có mặt.

Bị hại:

- Chị Bùi Thị Ngọc V, sinh năm 2001 (chết). Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Thanh H2, sinh năm 1980 và bà Trần Thị H3, sinh năm 1980 (cha, mẹ

của chị V), cùng địa chỉ: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Bà H3 ủy quyền cho ông H2 đại diện tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt.

- Anh Phạm Ngọc V1, sinh năm 2002, địa chỉ: Thôn C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975, địa chỉ thường trú: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, ông H1 có mặt.

- Ông Nguyễn C, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960, địa chỉ thường trú: Thôn P, xã V, tỉnh Quảng Ngãi. Bà L có mặt.

- Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1972 và bà Võ Thị X, sinh năm 1972, cùng địa chỉ thường trú: Thôn C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, bà X có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 13/02/2024, Phạm Văn H điều khiển xe mô tô BKS 76C1 - 835.59 chở Bùi Thị Ngọc V đi từ xã B, tỉnh Quảng Ngãi về nhà tại xã B, tỉnh Quảng Ngãi trên tuyến đường ĐH01 theo hướng Đ - T. Khi đi đến Km6+100 thuộc thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi thì xảy ra va chạm với mô tô BKS 76C1 - 839.41 do Nguyễn Thị Kiều N điều khiển chở theo Phạm Ngọc V1 lưu thông ngược chiều. Hậu quả, 04 người đều bị thương tích, 02 xe bị hư hỏng, đến ngày 15/02/2024, Bùi Thị Ngọc V chết.

Tại Kết luận giám định tử thi số 11/KLGĐTT-TTPY ngày 23/02/2024, của Trung tâm pháp y tỉnh Q kết luận nguyên nhân chết của Bùi Thị Ngọc V: Chấn thương sọ não.

Tại Kết luận giám định số 267, 268, 269/KLTTCT-TTPY ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Q xác định Thương tích của Phạm Ngọc V1 là 47%; Nguyễn Thị Kiều N là 46% và Phạm Văn H là 18%.

Giám định, kiểm tra nồng độ cồn, ma túy:

- Phiếu xét nghiệm máu của Nguyễn Thị Kiều N tại Bệnh viện P1 lúc 23 giờ 58 phút ngày 13/02/2024: Nồng độ Ethanol là 6.1mg/dl.

- Phiếu xét nghiệm máu của Phạm Văn H tại Bệnh viện Q lúc 22 giờ 46 phút ngày 13/02/2024: Nồng độ Ethanol là 10.44mg/100ml.

- Tại Kết luận giám định số 198/KL-KTHS ngày 08/3/2024 của Phòng KTHS Công an tỉnh Q kết luận trong máu của Bùi Thị Ngọc V không có cồn (Ethanol).

- Theo Bản tóm tắt bệnh án của Bệnh viện Đ1: Nồng độ Ethanol trong máu của Phạm Ngọc V1 là 18.8mmol/L.

Tại Cáo trạng số 117/CT-VKS-KV2 ngày 08-9-2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kiều N và Phạm Văn H

về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt:

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kiều N và Phạm Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

+ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều N và Phạm Văn H mỗi bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hai bị cáo hưởng án treo.

- Việc vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô BKS 76C1 – 839.41, nhãn hiệu Honda Vision màu sơn Đen và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô BKS 76C1 - 839.41 là của Nguyễn Thị Kiều N; 01 (một) xe mô tô BKS 76C1 – 835.59, nhãn hiệu Honda Vision là của Bùi Thị Ngọc V và 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 51091007512 đứng tên Phạm Văn H. Cơ quan tiến hành tố tụng đã trả lại cho chủ sở hữu và người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu, không có ai yêu cầu gì nên không đề nghị giải quyết.

- Về dân sự: Trong giai đoạn điều tra gia đình, hai bị cáo đã bồi thường cho gia đình Bùi Thị Ngọc V số tiền 125.000.000 đồng (mỗi bị cáo 62.500.000 đồng), Phạm Ngọc V1 đã hỗ trợ cho gia đình Bùi Thị Ngọc V 25.000.000 đồng, tổng cộng là 150.000.000 đồng. Gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì, ngoài ra Phạm Ngọc V1, Phạm Văn H và Nguyễn Thị Kiều N đều bị thương tích nhưng tự nguyện bãi nại, không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, hai bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận. Hai bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hai bị cáo được ở nhà để lao động phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố đến tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Người đại diện cho bị hại Bùi Thị Ngọc V và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai trong quá trình điều tra, xét thấy việc vắng mặt của những người này không trở

ngại cho việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa bị cáo hai bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của hai bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu về hiện trường, giám định và tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Phạm Văn H và Nguyễn Thị Kiều N là những người có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Phạm Văn H và Nguyễn Thị Kiều N có giấy phép lái xe hạng A1, khoảng 20 giờ 00 phút ngày 13/02/2024, Nguyễn Thị Kiều N điều khiển xe mô tô BKS 76C1 – 839.41 chở Phạm Ngọc V1 lưu thông trên tuyến đường ĐH01 theo hướng T - Đ; Phạm Văn H điều khiển xe mô tô BKS 76C1 – 835.59 chở Bùi Thị Ngọc V lưu thông trên tuyến đường ĐH01 theo Đông - Tây. Khi đến khu vực đoạn đường tại Km6+100 tuyến đường ĐH01 thuộc thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi dù quan sát thấy phương tiện đi ngược chiều nhưng Nguyễn Thị Kiều N và Phạm Văn H đều không giảm tốc độ và tránh né sang trái theo chiều xe chạy của mình dẫn đến 02 xe va chạm Hậu quả: Bùi Thị Ngọc V bị thương tích nặng đến ngày 15/02/2025 thì chết. Hành vi của Phạm Văn H và Nguyễn Thị Kiều N đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 (*Trên đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, hai xe đi ngược chiều tránh nhau, người điều khiển phải giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình*), kết quả điều tra xác định hai bị cáo có sử dụng rượu bia trước khi điều khiển xe mô tô tham gia thông, kết quả giám định xác định ngày 13/02/2024 hai bị cáo có nồng độ cồn trong máu tại thời điểm điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ gây ra hậu quả làm chết một người. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi truy tố Phạm Văn H và Nguyễn Thị Kiều N về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo đã thành khẩn khai báo; hai bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại số tiền 125.000.000 đồng và được đại diện hợp pháp của bị hại có đơn bãi nại về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Ngoài ra bị cáo N có ông, bà N2 và bà N3 là người có công cách mạng, bị cáo H ngay sau khi gây ra tai nạn giao thông đã tích cực đưa những người bị nạn đến bệnh viện để cấp cứu nên hai bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ là tính mạng sức khỏe, gây ảnh hưởng và làm mất trật tự trị an, an toàn giao thông trên địa bàn xã B. Vì vậy,

Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt để đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục hai bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo N với bị hại V1 và bị cáo H và bị hại V có quan hệ tình cảm, yêu đương nhau đã lâu, các bên đã tính đến chuyện cưới hỏi đăng ký kết hôn để thành vợ chồng, ngày 13/02/2024 nhằm ngày 04 Tết, bị cáo N cùng với V1 và bị cáo H cùng với V chở nhau đi thăm Tết hai bên gia đình trên đường về thì xảy ra tai nạn, khi xảy ra tai nạn thì hai bị cáo đều bị thương tích nặng, bị cáo N là 46% và bị cáo H là 18%, hai bị cáo phạm tội đều với lỗi vô ý, hai bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa hai bị cáo tỏ rõ sự đau buồn, ăn năn hối hận về hành vi của mình, bị cáo N đang bị bệnh u bướu mỗi tháng cần nhập viện điều trị lần, hai bị cáo lần đầu phạm tội với lỗi vô ý nên không cần thiết cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho hai bị cáo được chấp hành hình tù có điều kiện cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục hai bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm, đồng thời để hai bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt cho xã hội.

[6] Về vật chứng:

[6.1] Đối với 01 (một) xe mô tô BKS 76C1 – 839.41, nhãn hiệu Honda Vision màu sơn Đen, 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô BKS 76C1 - 839.41 là của Nguyễn Thị Kiều N; 01 (một) xe mô tô BKS 76C1 – 835.59, nhãn hiệu Honda Vision là tài sản của Bùi Thị Ngọc V và 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 51091007512 đứng tên Phạm Văn H. Quá trình giải quyết vụ án cơ quan tiến hành tố tụng đã trả lại cho bị cáo N, bị cáo H, người đại diện hợp pháp cho Bùi Thị Ngọc V và không ai có yêu cầu gì nên không giải quyết.

[7] Về dân sự: Trong giai đoạn điều tra gia đình, các bị cáo đã bồi thường cho gia đình Bùi Thị Ngọc V số tiền 125.000.000 đồng (mỗi bị cáo 62.500.000 đồng); Phạm Ngọc V1 đã hỗ trợ cho gia đình Bùi Thị Ngọc V 25.000.000 đồng. Gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì, ngoài ra Phạm Ngọc V1, Phạm Văn H và Nguyễn Thị Kiều N đều bị thương tích nhưng tự nguyện bãi nại, không yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

[8] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi tại phiên tòa về điều luật áp dụng, tội danh, hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Đối với đề nghị xử hai bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[9] Về án phí: Hai bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Điều 136; Điều 292; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kiều N và bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều N 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kiều N cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Ngọc H4 cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kiều N và bị cáo Phạm Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi (Phòng 7);
- CA tỉnh Quảng Ngãi (PC02, PV06);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 2;
- Phòng THAND khu vực 2;
- UBND xã Vạn Tường (thay thông báo);
- UBND xã Bình Minh (thay thông báo);
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh